

CÔNG KHAI CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐẤT ĐAI

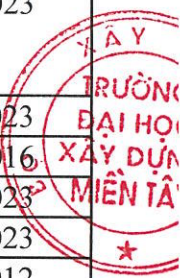
ST T	Mã giấy chứng nhận quyền sở hữu	Diện tích đất (m2)	Tên người/đơn vị/cơ quan sở hữu	Minh chứng quyền sở hữu đất đai	Mục đích sử dụng đất	Năm bắt đầu sử dụng của khu đất	Diện tích đất đã sử dụng (m2)
1	AA151258	34.334	Trường Đại học Xây dựng Miền Tây	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Xây dựng Cơ sở đào tạo	2004	34334
2	BI369076	68.844	Trường Đại học Xây dựng Miền Tây	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Xây dựng Cơ sở đào tạo	2012	68844

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 6 năm 2023

TRƯỜNG ĐHXD MIỀN TÂY
PHÒNG QT&TB
TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
XÂY DỰNG
MIỀN TÂY
★ Lưu Văn Vĩnh

CÔNG KHAI CÔNG TRÌNH CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Mã công trình	Tên công trình	Loại công trình	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng	Tình trạng CSVC	Năm đưa vào sử dụng
1	A1	Nhà làm việc 2 tầng	Phòng làm việc của các khoa và bộ môn trực thuộc trường	Hiệu bộ - hành chính	CBVC, GV, SV	1900	Kiên cố	2016
2	A2-1	Nhà E	Phòng học chuyên dùng		CBVC, GV, SV	3068	Kiên cố	2016
3	A2-2	Khối nhà làm việc của các trung tâm : Nghiên cứu khoa học, Tư vấn kiểm định chất lượng...	Phòng học chuyên dùng	Phục vụ chức năng khác	CBVC	1499	Kiên cố	2023
4	A2-3	Thư Viện	Khu dịch vụ tổng hợp	Phục vụ chức năng khác	CBVC, GV, SV	6292	Kiên cố	2023
5	B	Nhà thường trực - Khu B	Nhà bảo vệ	Phục vụ chức năng khác	Bảo vệ	15	Kiên cố	2016
6	B3	Nhà ăn	Nhà ăn	Phục vụ chức năng khác	CBVC, GV, SV	2880	Kiên cố	2023
7	C2	Nhà để xe 2 bánh	Nhà để xe	Phục vụ chức năng khác	CBVC, GV, SV	720	Kiên cố	2023
8	CANTE-1	Canteen	Nhà ăn	Phục vụ chức năng khác	CBVC, GV, SV	215	Bán kiên cố	2012
9	CANTE-2	Nhà ăn	Nhà ăn	Phục vụ chức năng khác	CBVC, GV	111	Kiên cố	2003
10	GDTC	Nhà giáo dục thể chất	Nhà thi đấu đa năng	Phục vụ thể thao trường	CBVC, GV, SV	1336	Kiên cố	2017
11	LASXD1233	Phòng thí nghiệm nghiên cứu, học tập	Phòng thí nghiệm	Phục vụ thí nghiệm	CBVC, GV, SV	1326	Kiên cố	2014
12	MPĐ	Nhà máy phát điện	Khu dịch vụ tổng hợp	Phục vụ chức năng khác	CBVC	15	Bán kiên cố	2003
13	NA	Nhà A	Phòng học chuyên dùng	Phục vụ giảng dạy	Giảng viên, sinh viên	2028	Kiên cố	2003
14	NB	Nhà B	Phòng học chuyên dùng	Phục vụ giảng dạy	Giảng viên, sinh viên	22928	Kiên cố	1990
15	NBV	Nhà bảo vệ	Khu dịch vụ tổng hợp	Phục vụ chức năng khác	CBVC	14	Kiên cố	2022
16	NC	Nhà C	Phòng học chuyên dùng	Phục vụ giảng dạy	Giảng viên, sinh viên	1996	Kiên cố	2003
17	NH	Nhà H	Phòng học chuyên dùng	Phục vụ giảng dạy	Giảng viên, sinh viên	11224	Kiên cố	2008



STT	Mã công trình	Tên công trình	Loại công trình	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng	Tình trạng CSVC	Năm đưa vào sử dụng
18	NHB	Nhà hiệu bộ	Phòng chức năng khác (hành chính - tổng hợp, tổ chức, cán bộ)	Hiệu bộ - hành chính	Ban giám hiệu, CBVC	1404	Kiên cố	1996
19	NTH	Khu đào tạo kỹ năng đặc định	Phòng học chuyên dùng	Phục vụ thực hành	GV, SV	308	Bán kiên cố	2012
20	NX-GV	Khu để xe giảng viên	Nhà để xe	Phục vụ chức năng khác	GV	369	Bán kiên cố	2021
21	NX-OTO	Nhà xe ô tô	Nhà để xe	Phục vụ chức năng khác	CBVC, GV	87	Bán kiên cố	2003
22	NX-SV	Nhà xe sinh viên	Nhà để xe	Phục vụ chức năng khác	SV	733	Bán kiên cố	2021
23	TDTT	Phòng luyện tập thể hình	Nhà thi đấu đa năng	Phục vụ chức năng khác	CBVC, GV, SV	224	Kiên cố	2021
24	TTNN	Trung tâm ngoại ngữ tin học	Khu dịch vụ tổng hợp	Phục vụ chức năng khác	CBVC	64	Bán kiên cố	2014
25	TTTN	Trung tâm thí nghiệm vật liệu xây dựng và môi trường; Trung tâm thông tin thư viện	Khu dịch vụ tổng hợp	Phục vụ thí nghiệm	CBVC, GV, SV	1326	Kiên cố	1990
26	TTTS	Nhà tư vấn tuyển sinh	Khu dịch vụ tổng hợp	Phục vụ chức năng khác	CBVC	35	Bán kiên cố	2022
27	TTTV	Trung tâm tư vấn xây dựng	Khu dịch vụ tổng hợp	Phục vụ chức năng khác	CBVC	63	Bán kiên cố	2014
28	XLNT	Hệ thống xử lý nước thải	Khu vệ sinh	Phục vụ chức năng khác		200	Kiên cố	2023

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 6 năm 2023


TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY
PHÒNG QUẢN TRỊ VÀ THIẾT BỊ
★ Lưu Văn Vĩnh

CÔNG KHAI CƠ SỞ VẬT CHẤT PHÒNG HỌC, GIẢNG ĐƯỜNG, HỘI TRƯỜNG

STT	Mã phòng học, giảng đường, hội trường	Tên phòng, giảng đường, hội trường	Diện tích	Hình thức sở hữu	Quy mô chỗ ngồi	Tình trạng CSVC	Loại phòng học	Năm đưa vào sử dụng
1	A1.1	Phòng học tòa nhà A	9424	Sở hữu	50	Kiên cố	Phòng học khác	2003
2	A1.2	Phòng học tòa nhà A	94	Sở hữu	50	Kiên cố	Phòng học khác	2003
3	A1.3	Phòng học tòa nhà A	94	Sở hữu	50	Kiên cố	Phòng học khác	2003
4	A2-4	Khối giảng đường 1000 chỗ kết hợp phòng họa thất, phòng vẽ, triển lãm	4220	Sở hữu	1000	Kiên cố	Phòng học đa năng	2003
5	A2.1	Phòng học tòa nhà A	94	Sở hữu	50	Kiên cố	Phòng học khác	2003
6	A2.2	Phòng học tòa nhà A	94	Sở hữu	50	Kiên cố	Phòng học khác	2003
7	A2.3	Phòng học tòa nhà A	94	Sở hữu	50	Kiên cố	Phòng học khác	2003
8	A3.1	Phòng học tòa nhà A	94	Sở hữu	50	Kiên cố	Phòng học khác	2003
9	A3.2	Phòng học tòa nhà A	94	Sở hữu	50	Kiên cố	Phòng học khác	2003
10	A3.3	Phòng học tòa nhà A	94	Sở hữu	50	Kiên cố	Phòng học khác	1990
11	B2.1	Phòng học tòa nhà B	62	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học ngoại ngữ	1990
12	B2.2	Phòng học tòa nhà B	62	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học máy tính	1990
13	B2.3	Phòng học tòa nhà B	86	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học máy tính	1990
14	B2.4	Phòng học tòa nhà B	62	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học máy tính	1990
15	B3.1	Phòng học tòa nhà B	86	Sở hữu	80	Kiên cố	Phòng học khác	1990
16	B3.2	Phòng học tòa nhà B	86	Sở hữu	80	Kiên cố	Phòng học đa năng	1990
17	B3.3	Phòng học tòa nhà B	62	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	1990
18	B3.4	Phòng học tòa nhà B	62	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	1990
19	B4	Phòng học tòa nhà B	405	Sở hữu	200	Kiên cố	Phòng học khác	1990

STT	Mã phòng học, giảng đường, hội trường	Tên phòng, giảng đường, hội trường	Diện tích	Hình thức sở hữu	Quy mô chỗ ngồi	Tình trạng CSVC	Loại phòng học	Năm đưa vào sử dụng
20	C1.1	Phòng học tòa nhà C	92	Sở hữu	70	Kiên cố	Phòng học khác	2003
21	C1.2	Phòng học tòa nhà C	92	Sở hữu	70	Kiên cố	Phòng học khác	2003
22	C1.3	Phòng học tòa nhà C	92	Sở hữu	70	Kiên cố	Phòng học khác	2003
23	C2.1	Phòng học tòa nhà C	92	Sở hữu	70	Kiên cố	Phòng học khác	2003
24	C2.2	Phòng học tòa nhà C	92	Sở hữu	70	Kiên cố	Phòng học khác	2003
25	C2.3	Phòng học tòa nhà C	92	Sở hữu	70	Kiên cố	Phòng học khác	2003
26	C3.1	Phòng học tòa nhà C	92	Sở hữu	70	Kiên cố	Phòng học máy tính	2003
27	C3.2	Phòng học tòa nhà C	92	Sở hữu	70	Kiên cố	Phòng học máy tính	2003
28	C3.3	Phòng học tòa nhà C	92	Sở hữu	70	Kiên cố	Phòng học máy tính	2003
29	E1.1	Phòng học tòa nhà E	60	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2016
30	E1.2	Phòng học tòa nhà E	60	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2016
31	E1.3	Phòng học tòa nhà E	60	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2016
32	E2.1	Phòng học tòa nhà E	60	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2016
33	E2.2	Phòng học tòa nhà E	60	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2016
34	E2.3	Phòng học tòa nhà E	60	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2016
35	E2.4	Phòng học tòa nhà E	60	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2016
36	E2.5	Phòng học tòa nhà E	60	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2016
37	E2.6	Phòng học tòa nhà E	60	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2016
38	E3.1	Phòng học tòa nhà E	60	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2016
39	E3.2	Phòng học tòa nhà E	60	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2016
40	E3.3	Phòng học tòa nhà E	60	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2016
41	E3.4	Phòng học tòa nhà E	60	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2016
42	E3.5	Phòng học tòa nhà E	60	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2016
43	E3.6	Phòng học tòa nhà E	60	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2016
44	E4.1	Phòng học tòa nhà E	60	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2016
45	E4.2	Phòng học tòa nhà E	60	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2016

STT	Mã phòng học, giảng đường, hội trường	Tên phòng, giảng đường, hội trường	Diện tích	Hình thức sở hữu	Quy mô chỗ ngồi	Tình trạng CSVC	Loại phòng học	Năm đưa vào sử dụng
46	E4.3	Phòng học tòa nhà E	60	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2016
47	E4.4	Phòng học tòa nhà E	60	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2016
48	E4.5	Phòng học tòa nhà E	60	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2016
49	E4.6	Phòng học tòa nhà E	60	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2016
50	GDTC	Nhà giáo dục thể chất	1336	Sở hữu	2000	Kiên cố	Phòng học đa năng	2017
51	H3.1	Phòng học tòa nhà H	218	Sở hữu	250	Kiên cố	Phòng học đa năng	2008
52	H3.2	Phòng học tòa nhà H	67	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2008
53	H3.3	Phòng học tòa nhà H	218	Sở hữu	300	Kiên cố	Phòng học đa năng	2008
54	H4.1	Phòng học tòa nhà H	94	Sở hữu	60	Kiên cố	Phòng học khác	2008
55	H4.2	Phòng học tòa nhà H	94	Sở hữu	60	Kiên cố	Phòng học khác	2008
56	H4.3	Phòng học tòa nhà H	67	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2008
57	H4.4	Phòng học tòa nhà H	94	Sở hữu	60	Kiên cố	Phòng học khác	2008
58	H4.5	Phòng học tòa nhà H	94	Sở hữu	60	Kiên cố	Phòng học khác	2008
59	H5.1	Phòng học tòa nhà H	94	Sở hữu	60	Kiên cố	Phòng học khác	2008
60	H5.2	Phòng học tòa nhà H	94	Sở hữu	60	Kiên cố	Phòng học khác	2008
61	H5.3	Phòng học tòa nhà H	67	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2008
62	H5.4	Phòng học tòa nhà H	94	Sở hữu	60	Kiên cố	Phòng học khác	2008
63	H5.5	Phòng học tòa nhà H	94	Sở hữu	60	Kiên cố	Phòng học khác	2008
64	H6.1	Phòng học tòa nhà H	94	Sở hữu	60	Kiên cố	Phòng học khác	2008
65	H6.2	Phòng học tòa nhà H	94	Sở hữu	60	Kiên cố	Phòng học khác	2008
66	H6.3	Phòng học tòa nhà H	67	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2008
67	H6.4	Phòng học tòa nhà H	94	Sở hữu	60	Kiên cố	Phòng học khác	2008
68	H6.5	Phòng học tòa nhà H	94	Sở hữu	60	Kiên cố	Phòng học khác	2008
69	H7.1	Phòng học tòa nhà H	109	Sở hữu	80	Kiên cố	Phòng học khác	2008
70	H7.2	Phòng học tòa nhà H	109	Sở hữu	80	Kiên cố	Phòng học khác	2008
71	H7.3	Phòng học tòa nhà H	67	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2008

STT	Mã phòng học, giảng đường, hội trường	Tên phòng, giảng đường, hội trường	Diện tích	Hình thức sở hữu	Quy mô chỗ ngồi	Tình trạng CSVC	Loại phòng học	Năm đưa vào sử dụng
72	H7.4	Phòng học tòa nhà H	109	Sở hữu	80	Kiên cố	Phòng học khác	2008
73	H7.5	Phòng học tòa nhà H	109	Sở hữu	80	Kiên cố	Phòng học khác	2008
74	H8.1	Phòng học tòa nhà H	218	Sở hữu	100	Kiên cố	Phòng học nhạc họa	2008
75	H8.2	Phòng học tòa nhà H	218	Sở hữu	100	Kiên cố	Phòng học nhạc họa	2008
76	H9.1	Phòng học tòa nhà H	109	Sở hữu	80	Kiên cố	Phòng học khác	2008
77	H9.2	Phòng học tòa nhà H	109	Sở hữu	80	Kiên cố	Phòng học khác	2008
78	H9.3	Phòng học tòa nhà H	67	Sở hữu	40	Kiên cố	Phòng học khác	2008
79	H9.4	Phòng học tòa nhà H	109	Sở hữu	80	Kiên cố	Phòng học khác	2008
80	H9.5	Phòng học tòa nhà H	109	Sở hữu	80	Kiên cố	Phòng học khác	2008

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 6 năm 2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN TRỊ VÀ THIẾT BỊ
Lưu Văn Vĩnh

CÔNG KHAI CSVC KÝ TÚC XÁ

STT	Mã ký túc xá	Tổng số chỗ ở KTX	Tổng diện tích	Tình trạng CSVC	Số phòng ở cho sinh viên	Năm đưa vào sử dụng
1	KTX A	344	425	Kiên cố	43	2006
2	KTX B	336	425	Kiên cố	42	2006
3	KTX C1	342	550	Kiên cố	57	2022
4	KTX C2	342	550	Kiên cố	57	2022

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 6 năm 2023

TRƯỜNG ĐHXD MIỀN TÂY
PHÒNG QT&TB
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN TRỊ VÀ THIẾT BỊ

Lưu Văn Vĩnh

CÔNG KHAI CSVC PHÒNG THÍ NGHIỆM

STT	Mã công trình CSVC	Loại phòng thí nghiệm	Phục vụ ngành	Mức độ đáp ứng nhu cầu NCKH	Năm đưa vào sử dụng
1	LASXD1233	Phòng thí nghiệm nghiên cứu, học tập	Kỹ thuật	Tốt	2012
2	TTTN	Phòng thí nghiệm nghiên cứu, học tập	Kỹ thuật	Tốt	2012
3	PTN-VL	Phòng thí nghiệm Vật liệu	Kiến trúc và xây dựng	Tốt	2012
4	PTN-GT	Phòng thí nghiệm Cơ học đất	Kiến trúc và xây dựng	Tốt	2012
5	PTN-CHĐ	Phòng thí nghiệm Giao thông	Kiến trúc và xây dựng	Tốt	2012
6	PTN-N	Phòng thí nghiệm Nước	Môi trường và bảo vệ môi trường	Tốt	2012
7	PTN-MT	Phòng thí nghiệm Môi trường	Môi trường và bảo vệ môi trường	tốt	2012

Vĩnh Long, ngày 24 tháng 6 năm 2023

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
XÂY DỰNG
MIỀN TÂY

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN TRỊ VÀ THIẾT BỊ

Lưu Văn Vĩnh

CÔNG KHAI CSVC PHÒNG - XUỐNG THỰC HÀNH

STT	Mã công trình CSVC	Phục vụ ngành	Mức độ đáp ứng nhu cầu NCKH	Năm đưa vào sử dụng
1	XTH	Kiến trúc và xây dựng	tốt	2023
2	XTH1.1	Kiến trúc và xây dựng	tốt	2023
3	XTH1.2	Kiến trúc và xây dựng	tốt	2023
4	XTH1.3	Kiến trúc và xây dựng	tốt	2023
5	XTH2.1	Kiến trúc và xây dựng	tốt	2023
6	XTH2.2	Kiến trúc và xây dựng	tốt	2023
7	XTH2.3	Kiến trúc và xây dựng	tốt	2023
8	XTH2.4	Kiến trúc và xây dựng	tốt	2023
9	XTH2.5	Kiến trúc và xây dựng	tốt	2023
10	XTH2.6	Kiến trúc và xây dựng	tốt	2023

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 6 năm 2023

PHÒNG QT&TB
TRƯỜNG PHÒNG QUẢN TRỊ VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
XÂY DỰNG
MIỀN TÂY
★ Lưu Văn Vĩnh